

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hệ thống hoá được kiến thức chương I, II, III, IV, V, VI, VII (tới bài 28).
- Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết bài tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, bài giảng điện tử, bảng phụ.
- Bộ thẻ từ khoá có nam châm hoặc phiếu chứa từ khoá.
- Bảng phụ kẻ sẵn 3 cột.

2. Học sinh

SGK, ôn tập lại kiến thức đã học trong chương.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động 1: HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC CHƯƠNG I, II, III, IV, V, VI, VII		
Mục tiêu: Hệ thống hoá được kiến thức chương.		
<i>Tổ chức hoạt động</i>	<i>Hoạt động của HS</i>	<i>Kết quả/sản phẩm học tập</i>
<p>– GV tổ chức chò trôi “tiếp sức”:</p> <p>+ Mỗi nhóm được phát bộ thẻ từ khoá (có gắn nam châm) – Hoặc phiếu chứa bộ từ khoá (phụ lục).</p> <p>+ Trong thời gian 5 – 10 phút, các HS trong nhóm lần lượt gắn các từ khoá vào cột phù hợp. Mỗi lần chỉ có 1 HS trong nhóm lên bảng.</p> <p>+ Em số 1 thực hiện xong thì đến em thứ 2... Cứ như thế cho</p>	<p>– HS tham gia hoạt động nhóm.</p> <p>– Lần lượt từng HS lên dán (ghi) 1 đáp án.</p>	<p>– HS hợp tác, tích cực trong hoạt động nhóm.</p> <p>– HS xác định đúng các từ khoá vào từng chủ đề.</p>

Phụ lục: HOẠT ĐỘNG 1

Bảng phụ:

Chương I	Chương II	Chương III	Chương IV	Chương V	Chương VI	Chương VII

Bộ từ khoá: Các hiện tượng tự nhiên. Phát triển trí tuệ. Phát triển công nghệ. Cải thiện cuộc sống. Kính lúp. Kính hiển vi quang học. Đo chiều dài. Đo khối lượng. Đo thời gian. Đo nhiệt độ. Thở Rắn. Thở Lỏng. Thở Khí. Đông đặc. Ngưng tụ. Nóng chảy. Hoá hơi (sôi và bay hơi). Tính chất vật lí. Tính chất hoá học. Vật liệu. Nguyên liệu. Nhiên liệu. Lương thực, thực phẩm. Sử dụng an toàn, hiệu quả. Tiết kiệm. Bảo quản. Hỗn hợp. Dung dịch. Huyền phù. Nhũ tương. Dd chất tan rắn. Dd chất tan lỏng. Cô cạn. Lắng, gạn, lọc. Chiết. Chất tinh khiết. Hỗn hợp đồng nhất. Hỗn hợp không đồng nhất. Tế bào. Màng tế bào. Tế bào chất. Nhân/vùng nhân. Tế bào nhân sơ. Tế bào nhân thực. Mô. Cơ quan (gồm các mô cùng thực hiện một chức năng). Hệ cơ quan. Cơ thể (các hệ cơ quan...). Cơ thể đơn bào. Cơ thể đa bào.

CÁC CÂU HỎI RUNG CHUÔNG VÀNG

1. Đối tượng nghiên cứu nào sau đây là của khoa học tự nhiên?

- A. Nghiên cứu về tâm lí của vận động viên bóng đá.
- B. Nghiên cứu về lịch sử hình thành vũ trụ.
- C. Nghiên cứu về ngoại ngữ.
- D. Nghiên cứu về luật đi đường.

Đáp án: B.

2. Các biển báo trong Hình 2.1 có ý nghĩa gì?

- A. Cấm thực hiện.
- B. Bắt buộc thực hiện.
- C. Cảnh báo nguy hiểm.
- D. Không bắt buộc thực hiện.



Đáp án: A.

3. Quan sát vật nào dưới đây cần phải sử dụng kính hiển vi?

- A. Tế bào biểu bì vẩy hành.
- B. Con kiến.
- C. Con ong.
- D. Tép bưởi.

Đáp án: A.

4. Một người dùng bình chia độ để đo thể tích của chất lỏng. Hãy chỉ ra cách ghi kết quả đúng trong các trường hợp dưới đây.

A. 10,2 cm³.

B. 10,50 cm³.

C. 10,5 cm³.

D. 10 cm³.

Đáp án: C.

5. Hãy đổi những khối lượng sau đây ra đơn vị kilôgam (kg).

650 g = kg;

2,4 tạ = kg;

3,07 tấn = kg;

12 yến = kg;

12 lạng = kg.

6. Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng hằng ngày của nước ta là gì?

Đáp án: °C.

7. Một số chất khí có mùi thơm toả ra từ bông hoa hồng làm ta có thể ngửi thấy mùi hoa thơm. Điều này thể hiện tính chất nào của thể khí?

A. Dễ dàng nén được.

B. Không có hình dạng xác định.

C. Có thể lan toả trong không gian theo mọi hướng.

D. Không chảy được.

Đáp án: C.

8. Quá trình nào sau đây cần oxygen?

A. Hô hấp.

B. Quang hợp.

C. Hoà tan.

D. Nóng chảy.

Đáp án: A.

9. Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Khí oxygen không tan trong nước.

B. Khí oxygen sinh ra trong quá trình hô hấp của cây xanh.

C. Ở điều kiện thường, oxygen là chất khí không màu, không mùi, không vị.

D. Cần cung cấp oxygen để dập tắt đám cháy.

Đáp án: C.

10. Khí nào sau đây tham gia vào quá trình quang hợp của cây xanh?

A. Oxygen.

B. Nitrogen.

C. Khí hiếm.

D. Carbon dioxide.

Đáp án: D.



11. Nitrogen trong không khí có vai trò nào sau đây?

- A. Cung cấp đạm tự nhiên cho cây trồng.
- B. Hình thành sấm sét.
- C. Tham gia quá trình quang hợp của cây.
- D. Tham gia quá trình tạo mây.

Đáp án: A.

12. Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

- A. Thủy tinh.
- B. Gốm.
- C. Kim loại.
- D. Cao su.

Đáp án: C.

13. Cho các vật liệu sau: nhựa, thủy tinh, gốm, đá, thép. số vật liệu nhân tạo là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Đáp án: C.

14. Khi khai thác quặng sắt, ý nào sau đây là không đúng?

- A. Khai thác tiết kiệm vì nguồn quặng có hạn.
- B. Tránh làm ô nhiễm môi trường.
- C. Nên sử dụng các phương pháp khai thác thủ công.
- D. Chế biến quặng thành sản phẩm có giá trị để nâng cao hiệu quả kinh tế.

Đáp án: C.

15. Nguyên liệu nào sau đây được sử dụng trong lò nung vôi?

- A. Đá vôi.
- B. Cát.
- C. Gạch.
- D. Đất sét.

Đáp án: A.

16. Sau khi lấy quặng ra khỏi mỏ cần thực hiện quá trình nào để thu được kim loại từ quặng?

- A. Bay hơi.
- B. Lắng gạn.
- C. Nấu chảy.
- D. Chế biến.

Đáp án: C.

17. Nhiên liệu hoá thạch

- A. là nguồn nhiên liệu tái tạo.
- B. là đá chứa ít nhất 50% xác động và thực vật.

C. chỉ bao gồm dầu mỏ, than đá.

D. là nhiên liệu hình thành từ xác sinh vật bị chôn vùi và biến đổi hàng triệu năm trước.

Đáp án: D.

18. Lứa tuổi từ 11 – 15 là lứa tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là

A. carbohydrate.

B. protein.

C. calcium.

D. chất béo.

Đáp án: C.

19. Cho các vật thể: áo sơ mi, bút chì, đôi giày, viên kim cương. Vật thể chỉ chứa một chất duy nhất là

A. áo sơ mi.

B. bút chì.

C. đôi giày.

D. viên kim cương.

Đáp án: D.

20. Hỗn hợp nào sau đây là huyền phù?

A. Nước muối.

B. Nước phù sa.

C. Nước chè.

D. Nước máy.

Đáp án: B.

21. Hỗn hợp nào sau đây là dung dịch chỉ chứa một chất tan?

A. Nước mắm.

B. Sữa.

C. Nước chanh đường.

D. Nước đường.

Đáp án: D.

22. Chất nào sau đây tan nhiều trong nước nóng?

A. Muối ăn.

B. Nến.

C. Dầu ăn.

D. Khí carbon dioxide.

Đáp án: A.

23. Ở nông thôn, để tách thóc lép ra khỏi thóc, người dân thường đổ thóc rơi trước một cái quạt gió. Những hạt thóc lép sẽ bị gió thổi bay ra, đó là do thóc lép có

A. khối lượng nhẹ hơn.

B. kích thước hạt nhỏ hơn.

C. tốc độ rơi nhỏ hơn.

D. lớp vỏ trấu dễ tróc hơn.

Đáp án: A.

24. Việc làm nào sau đây là quá trình tách chất dựa theo sự khác nhau về kích thước hạt?
- A. Giặt giẻ lau bằng nước từ vòi nước.
 - B. Dùng nam châm hút bột sắt từ hỗn hợp bột sắt và lưu huỳnh.
 - C. Lọc nước bị vẩn đục bằng giấy lọc.
 - D. Ngâm quả dâu với đường để lấy nước dâu.

Đáp án: C.

25. Nước giếng khoan thường lẫn nhiều tạp chất. Để tách bỏ tạp chất, người dân cho nước giếng khoan vào bể lọc, đáy bể lót các lớp cát mịn, sỏi và than củi. Nước chảy qua các lớp này sẽ trong hơn. Nhận định nào sau đây là không đúng?

- A. Lớp cát mịn có tác dụng giữ các hạt đất, cát ở lại.
- B. Lớp sỏi làm cho nước có vị ngọt.
- C. Lớp than củi có tác dụng hút các chất hữu cơ, vi khuẩn.
- D. Sau một thời gian sử dụng, ta phải thay rửa các lớp đáy bể lọc.

Đáp án: B.

26. Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước tế bào?

- A. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước.
- B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau.
- C. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau.
- D. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng.

Đáp án: C.

27. Cây lớn lên nhờ

- A. sự lớn lên và phân chia của tế bào.
- B. sự tăng kích thước của nhân tế bào.
- C. nhiều tế bào được sinh ra từ một tế bào ban đầu.
- D. các chất dinh dưỡng bao bọc xung quanh tế bào ban đầu.

Đáp án: A.

28. Cơ thể sinh vật có khả năng thực hiện các quá trình sống cơ bản nào?

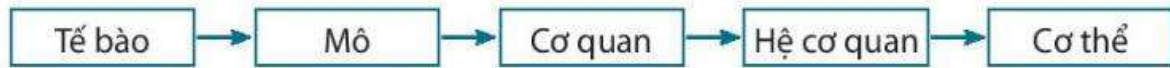
- A. Cảm ứng và vận động.
- B. Sinh trưởng.
- C. Dinh dưỡng.
- D. Hô hấp.
- E. Bài tiết.
- G. Sinh sản.

Đáp án: A, B, C, D, E, G.

29. Viết sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các cấp tổ chức của cơ thể đa bào từ thấp đến cao.



Đáp án:



30. Những thiết bị, dụng cụ nào cần thiết cho việc quan sát cơ thể đơn bào?

- A. Kính hiển vi.
- B. Thìa inox.
- C. Cốc đong.
- D. Giấy khô A4.
- E. Giấy thấm.
- G. Lam kính.
- H. Ống nhỏ giọt.
- I. Lamén.

Đáp án: A, C, E, G, H, I.

31. Để quan sát cơ thể đơn bào, người ta dùng

- A. mắt thường.
- B. kính lúp.
- C. kính hiển vi.
- D. kính bảo hộ.

Đáp án: C.

32. Vì sao cần phải phân loại thế giới sống?

- A. Để đặt và gọi tên các loài sinh vật khi cần thiết.
- B. Để xác định số lượng các loài sinh vật trên Trái Đất.
- C. Để xác định vị trí của các loài sinh vật, giúp cho việc tìm ra chúng giữa các sinh vật trở nên dễ dàng hơn.
- D. Để thấy được sự khác nhau giữa các loài sinh vật.

Đáp án: C.

33. Khi tiến hành xây dựng khoá lưỡng phân để phân loại một nhóm sinh vật cần tuân theo nguyên tắc nào?

- A. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có những đặc điểm đối lập nhau.
- B. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có cơ quan di chuyển khác nhau.
- C. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có môi trường sống khác nhau.
- D. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có kiểu dinh dưỡng khác nhau.

Đáp án: A.

34. Vi khuẩn có ở đâu?

- A. Trong không khí.
- B. Trong nước.
- C. Trong đất.
- D. Trong cơ thể sinh vật.
- E. Ở những nơi cực nóng hoặc cực lạnh.

Đáp án: Tất cả các đáp án đã cho.

35. Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò của vi khuẩn?

- A. Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.
- B. Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.
- C. Mọi vi khuẩn đều có lợi cho tự nhiên và đời sống con người.
- D. Vi khuẩn giúp phân huỷ các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng.

Đáp án: C.

36. Dụng cụ nào được sử dụng để quan sát vi khuẩn?

- A. Kính lúp.
- B. Kính hiển vi.
- C. Kính soi nổi.
- D. Kính viễn vọng.

Đáp án: B.

37. Nước được sử dụng làm sữa chua là

- A. Nước lạnh.
- B. Nước đun sôi để nguội.
- C. Nước sôi.
- D. Nước đun sôi rồi để nguội đến khoảng 50°C.

Đáp án: D.